

Số: 07 /2022/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 21 /TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng vốn của Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho các sở, ngành, địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình có trọng tâm, trọng điểm và bền vững tại các huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn chi thường xuyên.

6. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc và các chính sách, chương trình, đề án giai đoạn 2021-2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; giảm thiểu tình trạng đầu tư dàn trải, chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng thụ hưởng của các Chương trình thì được áp dụng định mức phân bổ theo một trong các Chương trình phù hợp nhất.

Điều 3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

a) Quy mô dân số của các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là cấp huyện) để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2021;

b) Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái;

c) Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Huyện nghèo căn cứ vào danh sách được quy định tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

e) Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo các cấp độ thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền công bố đến năm 2021. Loại hình đào tạo và số lượng tuyển sinh tương ứng với loại hình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Yên Bái công bố;

g) Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh Yên Bái;

h) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu công bố năm 2020 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết tại 7 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm tối thiểu bằng 3% tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc ngân sách cấp nào thì cấp đó bố trí vốn đối ứng; riêng huyện Mù Cang Chải và huyện Trạm Tấu bố trí đối ứng tối thiểu bằng 1%, phần vốn đối ứng còn lại do ngân sách tỉnh hỗ trợ.

2. Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Đối với cấp huyện không thực hiện đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch vốn năm sau Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giảm trừ số vốn ngân sách trung ương tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của huyện đó. Trường hợp bất khả kháng, các huyện, thị xã gặp khó khăn, không cân đối đủ nguồn lực để bố trí đối ứng theo quy định, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2022, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận: *ht*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh (tự kiểm tra văn bản);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long

Phụ lục I

DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC HUYỆN NGHÈO
 (Kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án cho các huyện nghèo.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện nghèo

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện	
Dưới 10.000 hộ	0,15
Từ 10.000 hộ trở lên	0,17
2. Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	
Dưới 65%	0,46
Từ 65% trở lên	0,5
3. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 10 xã	0,1
Từ 10 xã trở lên	0,12

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo

a) Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức: $A_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo thực hiện Dự án 1.

b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng huyện nghèo.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

Phụ lục II

DỰ ÁN 2: ĐA DẠNG HÓA SINH KÊ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO
 (Kèm theo Nghị quyết số **07** /2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án cho các huyện.
2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 15 xã	1
Từ 15 xã trở lên	1,15

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i \times 2,5 + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

Phụ lục III



DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CẢI THIỆN DINH DƯỠNG
 (Kèm theo Nghị quyết số **07** /2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 15 xã	1
Từ 15 xã trở lên	1,15

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $\mathbf{Đ_i = Q.X_i.Y_i}$

Trong đó:

$\mathbf{Đ_i}$ là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i \times 2,5 + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

2. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 15 xã	1
Từ 15 xã trở lên	1,15
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện	
Trên 30%	1,6
Từ 25% đến 30%	1,4
Từ 20% đến dưới 25%	1,2
Dưới 20%	1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i \times 3 + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

Phụ lục IV

**DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM
BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)


1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn
a) Đối với vốn đầu tư phát triển:

- Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của tiêu dự án để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phân bổ vốn theo danh mục dự án đầu tư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Đối với vốn sự nghiệp:

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các sở, ngành.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	0,1
Trường Trung cấp	0,2
Trường Cao đẳng	0,3
2. Tiêu chí 2: Loại hình đào tạo	
Sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng	0,1
Trung cấp	0,2
Cao đẳng	0,3
3. Tiêu chí 3: Cấp độ đào tạo nghề	
Cấp độ quốc gia	0,1
Cấp độ khu vực ASEAN	0,2
Cấp độ quốc tế	0,3

Tiêu chí	Hệ số
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Dưới 200 người/năm	0,1
Từ 200 đến dưới 500 người/năm	0,2
Từ 500 đến dưới 700 người/năm	0,3
Từ 700 đến dưới 900 người/năm	0,4
Từ 900 người/năm trở lên	0,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức: $H_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

H_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i theo công thức:

$$X_i = CS_i + (ĐT_i + CD_i) \times 3 + SL_i$$

CS_i là hệ số tiêu chí loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

$ĐT_i$ là hệ số tiêu chí loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

CD_i là hệ số tiêu chí cấp độ đào tạo nghề của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

SL_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

Q là vốn bình quân cho một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 15 xã	1
Từ 15 xã trở lên	1,15
5. Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	
Dưới 1.000 người/năm	0,5
Từ 1.000 người/năm trở lên	0,6

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $K_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + HN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Xi}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện nghèo.
- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện nghèo

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức: $L_i = Q.X_i$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện nghèo thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện nghèo thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện nghèo được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối thiểu 60% cho các sở, ngành; tối đa 40% cho các huyện.
- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Huyện có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	
Dưới 20.000 người	1
Từ 20.000 người trở lên	1,3

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i . Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

Phụ lục V

**DỰ ÁN 5: HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN NGHÈO**

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hàng năm do trung ương phân bổ vốn cho địa phương và căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.
2. Định mức hỗ trợ: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương.
3. Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

Phụ lục VI

DỰ ÁN 6: TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /2022/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 15 xã	1
Từ 15 xã trở lên	1,15

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiêu dự án của tỉnh.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6 của Chương trình; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

2. Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiêu dự án: Tối đa 45% cho các sở, ngành; tối thiểu 55% cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8

Tiêu chí	Hệ số
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 15 xã	1
Từ 15 xã trở lên	1,15

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

Phụ lục VII

**DỰ ÁN 7: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT,
ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số **07** /2021/NQ-HĐND ngày **30** tháng **3** năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 35% cho các sở, ngành; tối thiểu 65% cho các huyện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 8%	0,4
Từ 8% đến dưới 15%	0,5
Từ 15% đến dưới 25%	0,6
Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 đến dưới 7.000 hộ	0,6
Từ 7.000 đến dưới 9.000 hộ	0,7
Từ 9.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 15 xã	1
Từ 15 xã trở lên	1,15

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức: $R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện thực hiện Dự án 7 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.